

Số: 2021 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phân khu xây dựng
Khu công nghiệp Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy
hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07
tháng 4 năm 2010 về về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị
và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết
một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của
HĐND tỉnh về việc thông qua nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công
nghiệp Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 245/TTr-SXD
ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Báo cáo số 638/BC-BQL ngày 27 tháng 8 năm
2021 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phân khu xây dựng
Khu công nghiệp Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, với những nội dung cụ
thể như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý các khu công nghiệp.

3. Quy mô, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch

3.1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch

Khu công nghiệp Vân Hồ nằm tại bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Cách tuyến đường Quốc lộ 6 khoảng 1,5km, có vị trí giáp ranh như sau:

- Phía Bắc giáp địa giới hành chính 02 huyện Mộc Châu, Vân Hồ;
- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ;
- Phía Đông giáp đất lâm nghiệp bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ;
- Phía Tây giáp đất lâm nghiệp bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ.

3.2. Quy mô quy hoạch

- Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Khoảng 300 ha.
- Diện tích lập quy hoạch: Khoảng 240 ha.
- Quy mô lao động: Khoảng 2.300 - 4.000 người.
- Quy mô dân số hiện trạng: 145 hộ với 692 nhân khẩu.

(Phạm vi, ranh giới được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch đảm bảo theo điều kiện thực tế).

4. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch

4.1. Quan điểm lập quy hoạch

- Khớp nối về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực để đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất.
- Đảm bảo tổ chức các khu chức năng hợp lý, phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và cảnh quan thiên nhiên.
- Quy hoạch quỹ đất công nghiệp nhằm thu hút đầu tư, nâng cao khả năng cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Hình thành khu công nghiệp đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.
- Giải quyết vấn đề nhà ở, công trình văn hóa, thể thao và các tiện ích xã hội khác đảm bảo cuộc sống của người dân, công nhân trong khu công nghiệp, phát triển khu công nghiệp theo hướng bền vững.

- Sắp xếp, bố trí tái định cư hợp lý, phát triển các khu dân cư hiện đại, tiện nghi cho người dân, người lao động tại khu vực.

4.2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa quy hoạch phát triển khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006, chấp thuận bổ sung tại Công văn số 3/TTg-CN ngày 04/01/2021.

- Đảm bảo xây dựng phát triển phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Tận dụng những lợi thế sẵn có về giao thông, cảnh quan và quỹ đất xây dựng. Xây dựng khu công nghiệp Vân Hồ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đảm kết nối với các khu vực xung quanh, phát triển bền vững.

- Làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý xây dựng, xác định hạng mục cần đầu tư, tạo cơ sở kêu gọi thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư xây dựng hạ tầng, sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp.

5. Tính chất của khu vực lập quy hoạch

- Phát triển khu công nghiệp đa dạng ngành nghề, có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường và tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước, như: Sản xuất, chế tạo thiết bị điện tử, chế biến dược liệu, nông - lâm sản xuất khẩu bằng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

- Phát triển khu công nghiệp với đầy đủ chức năng bao gồm các khu xây dựng: nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, hành chính, dịch vụ, khu dân cư và hạ tầng xã hội, cây xanh, bãi đỗ xe.

6. Điều tra, đánh giá hiện trạng

6.1. Đánh giá về điều kiện tự nhiên và môi trường

- Khảo sát, đánh giá điều kiện khí hậu, địa chất, địa hình, thủy văn, các hình thái biến đổi khí hậu, đặc điểm cảnh quan sinh thái khu vực, mối liên kết với khu vực xung quanh, hệ thống mặt nước, sông, suối hiện hữu ...

- Đánh giá ảnh hưởng tiêu cực, tích cực của điều kiện tự nhiên, điều kiện địa hình đối với khu vực lập quy hoạch. Xác định những không gian tự nhiên quan trọng để đề xuất giải pháp quy hoạch phù hợp.

- Phân tích ảnh hưởng của chế độ thủy văn trong vùng đến các khu vực có tiềm năng phát triển, đánh giá chi tiết về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

- Nhận định các kết quả phân tích, từ đó đề xuất các vấn đề cần phải giải quyết trong quy hoạch để khắc phục những nhược điểm (*độ dốc, khả năng ứng*

ngập,...), phát huy các ưu điểm tự nhiên của khu vực và đề xuất các khu vực có tiềm năng để khai thác tạo động lực phát triển.

6.2. Đánh giá hiện trạng về dân số, kinh tế - xã hội

- Đánh giá hiện trạng phát triển dân cư khu vực nghiên cứu, thống kê tỷ lệ dân số lao động. Mức độ phát triển kinh tế, khả năng tăng trưởng, thu hút nguồn nhân lực, nguồn vốn đầu tư, các hoạt động sản xuất.

- Đánh giá hiện trạng văn hóa – xã hội, những ảnh hưởng tác động môi trường văn hóa, lịch sử tới quá trình phát triển kinh tế và đời sống của dân cư trong khu vực.

6.3. Đánh giá hiện trạng về sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan

- Đánh giá tình hình sử dụng đất, hiện trạng đầu tư xây dựng, chất lượng các công trình tại khu vực lập quy hoạch theo các chức năng như: Công cộng, thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục và chất lượng khu ở, nhà ở của người dân.

- Thống kê hiện trạng sử dụng đất, nhận xét đánh giá các vấn đề tồn tại về sử dụng đất cần giải quyết.

- Phân tích đánh giá vấn đề nhà ở và công trình kiến trúc, xác định các công trình, cụm công trình có giá trị. Xác định những khu vực trọng tâm, trọng điểm cần phải bảo tồn.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Chuẩn bị kỹ thuật (*nền xây dựng, thoát nước mưa*), giao thông, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý chất rắn.

- Đánh giá ưu điểm, vấn đề tồn tại liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần giải quyết trong quy hoạch. Đánh giá mối liên quan về hiện trạng với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối bên ngoài khu vực.

6.4. Đánh giá các dự án, chương trình đang triển khai

- Tổng quan chung về các chương trình, dự án trong khu vực như: Danh mục và tính chất các dự án, danh mục các dự án về hạ tầng kỹ thuật, danh mục các dự án về công trình xây dựng.

- Nghiên cứu các dự án đầu tư ngoài ranh giới có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp và các dự án về hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong vùng.

6.5. Đánh giá tổng hợp

- Tổng hợp các vấn đề hiện trạng, phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của khu vực lập quy hoạch.

- Đề xuất các vấn đề cần giải quyết và thế mạnh cần khai thác làm cơ sở

hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

7. Yêu cầu về đo vẽ khảo sát địa hình

- Sử dụng lưới không chế đo vẽ địa hình từ các mốc địa chính đã được xác lập tại khu vực, hệ tọa độ VN2000. Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 với quy mô 300 ha, khoảng cao đều đường đồng mức 1 m, địa hình cấp III.

- Khai thác các bản đồ hiện trạng đã đo vẽ làm cơ sở nghiên cứu.

8. Yêu cầu về quy hoạch

8.1. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian

- Trên cơ sở tính chất, chức năng, hiện trạng tự nhiên của khu vực đề xuất mô hình, cấu trúc phát triển khu công nghiệp bao gồm: Các hướng phát triển chính của khu công nghiệp, việc bố trí các khu chức năng đảm bảo thứ tự ưu tiên theo tính chất của khu công nghiệp.

- Xác định các vùng kiến trúc cảnh quan trong khu công nghiệp, đề xuất ý tưởng tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ, các trục không gian chính, tuyến phố chính, cây xanh, các điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan trong khu công nghiệp.

- Xác định các cao độ trung bình, tối đa, tối thiểu trong các khu vực cần kiểm soát của khu công nghiệp, thiết kế minh họa kiến trúc cảnh quan điển hình.

8.2. Yêu cầu về quy hoạch sử dụng đất

Các chỉ tiêu sử dụng đất

a) Đối với khu công nghiệp

- Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa là 70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%.

- Diện tích đất giao thông trong khu công nghiệp $\geq 10\%$;

- Diện tích đất cây xanh trong khu công nghiệp $\geq 10\%$;

- Diện tích đất dành cho các khu kỹ thuật khác $\geq 1\%$.

b) Đối với khu dân cư

- Đất xây dựng các công trình nhà ở: $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Đất xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$;

- Đất cây xanh công cộng: $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$.

(Lưu ý: Các chỉ tiêu cụ thể thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD).

8.3. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

a) San nền và thoát nước mặt

- Đánh giá hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, bao gồm: Cao độ nền xây dựng, phân vùng tiêu thoát nước, năng lực hoạt động và những vấn đề tồn tại của hệ thống thoát nước tại khu vực.

- Xác định cao độ nền xây dựng, đề xuất giải pháp san nền cho từng khu vực: Xây mới, cải tạo chỉnh trang đảm bảo bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa việc đào đắp. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định hiện hành và quy hoạch đã được phê duyệt, phù hợp với các dự án xây dựng xung quanh.

- Xác định mạng lưới thoát nước mặt, bao gồm: Phương án thoát nước, phân chia lưu vực, hướng thoát, miệng xả, kích thước ống, hành lang bảo vệ.

- Xác định quy mô, giải pháp và các yêu cầu kỹ thuật chính đối với các công trình: kè, tường chắn, ta luy, giếng thu, giếng thăm đảm bảo ổn định công trình, phòng chống ngập úng cục bộ.

b) Giao thông

- Xác định mạng lưới đường giao thông, chỉ giới mặt cắt ngang mở đường, bao gồm các tuyến đường khu vực và đường nhánh trong phạm vi nghiên cứu. Vị trí, quy mô các bãi đỗ xe và các điểm đầu nối giao thông với các tuyến đường liên khu vực.

- Xác định các giải pháp cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông hiện trạng và đầu tư xây dựng mới các tuyến giao thông gắn với mạng lưới chung; cập nhật kiến nghị điều chỉnh về giao thông của các dự án, đồ án hiện có trên địa bàn khu vực lập quy hoạch. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật, các công trình giao thông phụ trợ, các quy định về chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, các quy định đối với việc xây dựng ngầm.

c) Cấp nước

- Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu và nguồn cấp nước, đầu nối với mạng lưới của khu công nghiệp; vị trí trạm bơm, bể chứa, đường ống và các thông số kỹ thuật cần thiết khác.

- Đề xuất các biện pháp cải tạo đối với mạng lưới cấp nước hiện trạng, các giải pháp xây dựng mạng cấp nước mới, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và hiệu quả.

d) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Đánh giá hiện trạng mạng lưới thu gom và xử lý nước thải tại khu vực; xác định nhu cầu thu gom, xử lý, nguồn tiếp nhận nước thải, hướng xả thải, phân chia lưu vực thu gom và quy hoạch mạng lưới đường ống, các công trình hạ tầng hỗ trợ để thu gom và xử lý nước thải tại khu vực.

- Xác định nhu cầu và đề xuất các biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn tại khu vực, đảm bảo hợp lý để không ảnh hưởng đến môi trường.

e) Cấp điện

- Xác định tiêu chuẩn, nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây cao thế, trung thế, hạ thế và hệ thống điện chiếu sáng phải được nghiên cứu bố trí hợp lý, đảm bảo đủ nhu cầu chiếu sáng, đóng góp vào cảnh quan chung khu vực.

- Đề xuất các quy định cụ thể các tuyến cáp điện đi ngầm, đi nổi nhằm đảm bảo mỹ quan khu công nghiệp và hiệu quả đầu tư.

g) Thông tin liên lạc

Đánh giá khả năng, nhu cầu đáp ứng của mạng lưới viễn thông hiện tại, đề xuất giải pháp quy hoạch cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của khu công nghiệp.

8.4. Yêu cầu về thiết kế đô thị

Nội dung thiết kế khu công nghiệp trong đồ án quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị, yêu cầu đạt được các nội dung sau:

- Thực hiện nghiên cứu về không gian kiến trúc cảnh quan làm cơ sở đề xuất các chỉ dẫn cụ thể về thiết kế khu công nghiệp, các quy định kiểm soát phát triển theo quy định.

- Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch, xác định chỉ giới xây dựng trên từng tuyến đường. Nghiên cứu hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo cho các công trình. Xác định hệ thống cây xanh, mặt nước, cao độ đường, vỉa hè, nền công trình, chiều cao khống chế các công trình trong khu đất.

8.5. Yêu cầu về lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

Lập báo cáo đánh giá môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày

13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

9. Yêu cầu về quy định quản lý quy hoạch

- Đề xuất Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Quy định chung: xác định đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện; ranh giới, quy mô diện tích, dân số, tính chất chức năng khu vực lập quy hoạch; quy định chung về hạ tầng xã hội; các quy định chủ yếu về kết nối giữa hệ thống hạ tầng trong khu vực với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp.

- Quy định cụ thể: mật độ xây dựng khu công nghiệp, chỉ tiêu sử dụng đất, nguyên tắc kiểm soát phát triển, yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật; Quy định về chỉ giới đường đỏ, phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn cho các tuyến hạ tầng kỹ thuật và công trình ngầm; Quy định về nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đối với trục đường, các điểm nhấn, không gian mở, công viên cây xanh.

- Quy định về tổ chức thực hiện: Các quy định về tính pháp lý, kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện

10. Tổng hợp kinh phí đầu tư

- Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng, quy mô, hình thức đầu tư, phân kỳ đầu tư.

- Tính toán tổng vốn đầu tư, làm rõ cơ cấu nguồn vốn huy động.

- Đề xuất các giải pháp về vốn để thực hiện quy hoạch.

11. Thành phần hồ sơ

11.1. Danh mục bản vẽ

Theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng, danh mục bản đồ quy hoạch cụ thể như sau:

TT	Tên bản vẽ	Kí hiệu	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	QH 01/13	Thích hợp
2	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	QH 02/13	1/5.000; 1/10.000
3	Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và đánh giá đất XD	QH 03/13	1/2.000

4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	QH 04/13	1/2.000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	QH 05/13	1/2.000
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông và chỉ giới xây dựng	QH 06/13	1/2.000
7	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	QH 07/13	1/2.000
8	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước	QH 08/13	1/2.000
9	Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường	QH 09/13	1/2.000
10	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng	QH 10/13	1/2.000
11	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	QH 11/13	1/2.000
12	Bản vẽ thiết kế đô thị khu công nghiệp	QH 12/13	Thích hợp
13	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	QH 13/13	1/2.000

11.2. Phần văn bản

- Thuyết minh tổng hợp.
- Thuyết minh tóm tắt.
- Dự thảo Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quy định quản lý quy hoạch.
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

11.3. Các yêu cầu về hồ sơ

- Hồ sơ trình thẩm định:
 - + Bản đồ quy hoạch thu nhỏ khổ A0: 01 bộ;
 - + Báo cáo tóm tắt kèm theo sơ đồ A3 màu theo yêu cầu;
- Sản phẩm giao nộp:
 - + Bản đồ quy hoạch đúng tỷ lệ in màu: 10 bộ.
 - + Bản đồ quy hoạch A3 thu nhỏ khổ A0: 03 bộ.
 - + Thuyết minh quy hoạch (sơ đồ A3 màu): 10 bộ.

+ Quy định quản lý quy hoạch: 10 bộ.

+ Đĩa CD lưu dữ liệu: 10 đĩa

12. Chi phí và nguồn vốn lập quy hoạch

12.1. Dự toán:

Tổng chi phí lập quy hoạch (làm tròn): **2.551.098.000** (Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm năm một triệu, không trăm chín tám nghìn đồng).

Trong đó:

TT	Thành phần	Giá trị đã bao gồm thuế VAT (đồng)
I	Chi phí lập quy hoạch	1.556.478.000
1	Chi phí lập quy hoạch phân khu	1.450.680.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	105.798.000
II	Chi phí khác	994.620.878
1	Chi phí khảo sát	457.544.781
2	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	19.236.000
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	90.501.331
4	Chi phí quản lý quy hoạch	85.226.131
5	Chi phí công bố quy hoạch	39.564.000
6	Chi phí xin ý kiến cộng đồng dân cư	29.013.600
7	Chi phí, cắm mốc quy hoạch (tạm tính)	220.000.000
8	Chi phí xây dựng biển pano (tạm tính)	44.000.000
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSĐT	9.535.035

12.2. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công năm 2021.

13. Thời gian lập quy hoạch: Năm 2021.

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức lập đề án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Trưởng ban Ban

Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Vân Hồ; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Huyện ủy Vân Hồ;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b). 25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh